

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/04/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Thu Yến**.
2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Đào**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Châu** – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Kiều** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 515/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 03 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST – HN ngày 13 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị **Nguyễn Thị Bích Ng**, sinh năm 1978. (Có mặt)
Địa chỉ: T, Phường B, TP M, tỉnh Tiền Giang.
2. **Bị đơn**: Anh **Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1980. (Vắng mặt)
Địa chỉ: T, Phường B, TP M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Ng trình bày:**

Chị Nguyễn Thị Bích Ng và anh Nguyễn Hồng T tự nguyện sống chung vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre ngày 18/11/2005. Anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2013 có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt, tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Anh chị đã tự ly thân từ tháng 08 năm 2021 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hồng T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 15/04/2007 và Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 15/04/2007 hiện nay các cháu đang

sống với mẹ. Chị Ng yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc T và cháu Nguyễn Quốc Th theo nguyện vọng của các cháu. Chị Ng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Hồng T, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ. Bị đơn anh Nguyễn Hồng T dù đã nhận Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản tự khai trình bày ý kiến của mình, không dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Bích Ng được ly hôn với anh Nguyễn Hồng T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quốc T sinh ngày 15/04/2007 và Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 15/04/2007. Chị Nguyễn Thị Bích Ng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc T và cháu Nguyễn Quốc Th theo nguyện vọng của các cháu. Chị Ng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Hồng T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích Ng trình bày chị và anh Nguyễn Hồng T không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Ng là tranh

chấp “Ly hôn”. Bị đơn anh Nguyễn Hồng T cư trú tại T, Phường B, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Hồng T vắng mặt không có lý do tại phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hồng T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích Ng và anh Nguyễn Hồng T tự nguyện sống chung từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre ngày 18/11/2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Bích Ng và anh Nguyễn Hồng T là do bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt, tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, mục đích của hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích Ng và anh Nguyễn Hồng T không đạt được, tình cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên anh chị đã tự ly thân từ tháng 08 năm 2021 cho đến nay. Do vậy chị Nguyễn Thị Bích Ng yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hồng T là có cơ sở.

Yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích Ng là có căn cứ theo Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 15/04/2007 và Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 15/04/2007. Chị Ng yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc T và cháu Nguyễn Quốc Th theo nguyện vọng của các cháu. Chị Ng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích Ng là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích Ng trình bày chị Ng và anh Nguyễn Hồng T không có tài sản chung và nợ chung. Anh Nguyễn Hồng T không đến tham dự phiên tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét đến tài sản chung và nợ chung của anh chị. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích Ng phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích Ng.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích Ng được ly hôn với anh Nguyễn Hồng T.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 15/04/2007 và Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 15/04/2007. Chị Nguyễn Thị Bích Ng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc T và cháu Nguyễn Quốc Th theo nguyện vọng của các cháu. Chị Ng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích Ng trình bày chị Ng và anh Nguyễn Hồng T không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích Ng phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí thành án phí hôn nhân sơ thẩm (theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004544 ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang).

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND. TP M, Tiền Giang;

- Chi cục THADS. TP M, Tiền Giang;

- UBND xã M, H T, Bến Tre;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo